

SỞ Y TẾ GIA LAI
TRUNG TÂM Y TẾ PHÚ THIỆN

Số: 1325 TTTr - TTYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Thiện, ngày 28 tháng 11 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v xét, phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật phân tuyến khám bệnh, chữa bệnh triển khai thực hiện tại Trung tâm Y tế huyện Phú Thiện năm 2022

Kính gửi: Sở Y tế Gia Lai

Thực hiện theo Quy chế bệnh viện ban hành kèm theo Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/9/1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về tổ chức hoạt động bệnh viện;

Thực hiện theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế về Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ vào biên bản họp Hội đồng chuyên môn xét danh mục kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh theo phân tuyến triển khai thực hiện tại Trung tâm Y tế Phú Thiện;

Căn cứ vào điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực và năng lực thực hiện kỹ thuật của đơn vị;

Trung tâm Y tế Phú Thiện kính trình Sở Y tế Gia Lai xem xét, tạo điều kiện và phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh theo phân tuyến nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho Trung tâm Y tế Phú Thiện triển khai thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo phân tuyến phục vụ cho công tác khám bệnh, chữa bệnh đúng quy định và đảm bảo có cơ sở để làm căn cứ phát triển những kỹ thuật cao hơn ở thời gian tới. Đồng thời tạo điều kiện cho đơn vị đủ điều kiện theo quy định để được triển khai thêm các kỹ thuật chuyên môn phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân trên địa bàn.

Vậy Trung tâm Y tế kính trình Sở Y tế sớm xem xét và phê duyệt bổ sung Danh mục kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh, theo phân tuyến đã được lập với khả năng thực hiện được đơn vị thực hiện được 321 kỹ thuật, trong đó có 279 kỹ thuật đúng

phân tuyến, 42 kỹ thuật vượt tuyến (có Danh mục kèm theo) để đơn vị sớm triển khai đúng quy định về khám bệnh, chữa bệnh cho nhân dân trên địa bàn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Phạm Chí Quang

TRÍCH BIÊN BẢN

**Họp Hội đồng chuyên môn xét bổ sung danh mục kỹ thuật khám bệnh,
chữa bệnh theo phân tuyến năm 2022**

Hôm nay, vào lúc 14 giờ 00 ngày 27 tháng 10 năm 2022, tại Hội trường Trung tâm Y tế huyện Phú Thiện tổ chức họp Hội đồng chuyên môn xét bổ sung danh mục kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh theo phân tuyến nhằm triển khai thực hiện hiệu quả công tác khám chữa bệnh, cũng như đảm bảo thực hiện đúng theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế về Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

1. Thành phần dự họp gồm:

- | | |
|----------------------------|-----------------------------|
| 1. Ông Phạm Chí Quang | Giám đốc |
| 2. Bà Rcom H' Juyen | Phó Giám đốc |
| 3. Bà Mã Thị Thu Huyền | Phòng Kế hoạch nghiệp vụ |
| 4. Ông Siu Blu | Trưởng Khoa Ngoại Sản |
| 5. Ông Phạm Văn Điệp | Phụ trách Khoa HSCC |
| 7. Bà Tống Thị Huyền | Khoa Cận Lâm Sàng |
| 8. Ông Phan Đình Trọng Huy | Phó Khoa Dược |
| 9. Bà Nguyễn Thị Minh Huệ | Trưởng Phòng TC-HC |
| 10. Bà Trần Ngọc Lợi | Phụ trách Khoa YHCT- PHCN |
| 11. Bà Nguyễn Thị Minh Hà | Phó Trưởng phòng Điều dưỡng |
| 12. Ông Tống Văn Minh | Khoa khám - LCK |
| 13. Ông Rô Thức | Phụ trách Khoa CSSKSS |

- Chủ trì cuộc họp: Ông Phạm Chí Quang Giám đốc
- Thư ký cuộc họp: Mã Thị Thu Huyền Phòng Kế hoạch nghiệp vụ

2. Nội dung cuộc họp:

Đ/c Phạm Chí Quang, Giám đốc Trung tâm Y tế, chủ trì cuộc họp nêu khái quát nội dung Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế về Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh kèm theo danh mục kỹ thuật phân tuyến theo chuyên khoa.

Sau khi nắm bắt nội dung thông tư 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế và danh mục kỹ thuật theo từng chuyên khoa được phân tuyến kèm theo. Hội đồng chuyên môn thống nhất nội dung như sau:

- Căn cứ vào điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực và năng lực thực hiện kỹ thuật của khoa xét nghiệm - CDHA, đơn vị thực hiện được 321 kỹ thuật, trong đó có 279 kỹ thuật đúng phân tuyến, 42 kỹ thuật vượt tuyến.

- Số lượng danh mục kỹ thuật thực hiện bổ sung như sau:

TT	NỘI DUNG	KỸ THUẬT PHÊ DUYỆT		
		ĐÚNG TUYẾN	VƯỢT TUYẾN	TỔNG THỰC HIỆN
I	Chuyên Khoa HSCC	18	02	20
V	Chuyên Khoa Da liễu	07	0	07
IX	Gây mê Hồi sức	87	04	91
X	Chuyên Khoa Ngoại	115	32	147
XI	Chuyên Khoa Bỏng	15	01	16
XII	Chuyên Khoa Ung bướu	07	0	07
XIII	Chuyên Khoa Phụ Sản	30	03	33
	Tổng cộng	279	42	321

Cuộc họp kết thúc vào lúc 16 giờ 00 cùng ngày với sự nhất trí của các thành viên hội đồng./.

THƯ KÝ

Mã Thị Thu Huyền



CHỦ TRÌ

Phạm Chí Quang

BẢN KÊ KHAI
CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ Y TẾ, TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
CỦA TRUNG TÂM Y TẾ PHÚ THIỆN

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: Trung tâm y tế huyện Phú Thiện
2. Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn Phú Thiện, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai
Điện thoại: 0269.677.888 Email: ttyt.phuthien@gialai.gov.vn
3. Quy mô: 85 giường bệnh

II. KÊ KHAI NHÂN SỰ:

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn
01	Phạm Chí Quang	000044/GL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	24/24 giờ; 7 ngày/tuần	Bác sĩ KBCB chuyên khoa HSCC - Giám Đốc
02	Đỗ Thị Hiền	0003631/GL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh thuộc hệ nội khoa	24/24 giờ; 7 ngày/tuần	Bác sĩ KBCB khoa HSCC

03	Siu BLu	0001313/GL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại tổng hợp	24/24 giờ; 7 ngày/tuần	Bác sĩ KBCB chuyên khoa Ngoại tổng hợp - Khoa Ngoại tổng hợp
04	R'ô Thúc	004464/GL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh thuộc hệ sản phụ khoa	24/24 giờ; 7 ngày/tuần	Bác sĩ KBCB khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản
05	Ksor Đới	004354/GL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	24/24 giờ; 7 ngày/tuần	Bác sĩ KBCB khoa Khám-LCK
06	Phạm Văn Điệp	004966/GL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	24/24 giờ; 7 ngày/tuần	Bác sĩ KBCB đa khoa-Bác sĩ khoa Ngoại tổng hợp
07	Nguyễn Thị Thu Mai	0003861/GL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	24/24 giờ; 7 ngày/tuần	Bác sĩ KBCB đa khoa-Bác sĩ khoa Khám-LCK
08	Vi Thị Ngọc Thúy	004232/GL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa	24/24 giờ; 7 ngày/tuần	Bác sĩ KBCB khoa

			khoa		Khám- LCK
09	Nguyễn Thị Oanh	0001352/GL- CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTL T-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của liên Bộ Y Tế và Bộ Nội vụ về quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	24/24 giờ; 7 ngày/tuần	Điều dưỡng - Điều dưỡng trưởng khoa Ngoại tổng hợp
10	Lê Thị Hiền	00001817/GL -CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTL T-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của liên Bộ Y Tế và Bộ Nội vụ về quy	24/24 giờ; 7 ngày/tuần	Điều dưỡng tiết liệu dụng cụ

			định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y		
11	Tổng Thị Xen	0001315/GL- CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTL T-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của liên Bộ Y Tế và Bộ Nội vụ về quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	24/24 giờ; 7 ngày/tuần	Hộ sinh- Hộ sinh trưởng khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản
12	Trần Thị Trúc Hạnh	0001392/GL- CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp kỹ thuật y	24/24 giờ; 7 ngày/tuần	Tổ KSNK

13	Tổng Thị Huyền	0001353/GL-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp kỹ thuật y	24/24 giờ; 7 ngày/tuần	Cử nhân xét nghiệm - Khoa xét nghiệm khoa Xét nghiệm-CLS
14	Nguyễn Thị Thu Hiền	0001340/GL-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của liên Bộ Y Tế và Bộ Nội vụ về quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	24/24 giờ; 7 ngày/tuần	Hộ sinh- Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản
15	Trần Văn Đỉnh	0001394/GL-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp kỹ thuật y	24/24 giờ; 7 ngày/tuần	Kỹ thuật viên X-Quang - Khoa Xét nghiệm-CLS

			thuật y		
--	--	--	---------	--	--

III. THIẾT BỊ Y TẾ:

STT	Tên tài sản, trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
01	Giường bệnh	Cái	06	
02	Bàn làm việc	Cái	04	
03	Ghế xoay	Cái	10	
04	Khay vô khuẩn	Cái	05	
05	Tủ thuốc	Cái	03	
06	Gối	Cái	06	
07	Cân	Cái	01	
08	Am điện	Cái	01	
09	Hộp nhựa	Cái	01	
10	Xô 10 lít	Cái	02	
11	Xe tiêm 3 tầng	Cái	02	
12	Tủ sấy	Cái	01	
13	Panh tiêm	Cái	03	
14	ống đựng panh	Cái	02	
15	Bàn máy vi tính	Cái	02	
16	Tủ đầu giường	Cái	06	
17	Máy in	Cái	02	
18	Tủ đầu giường	Cái	06	
19	Hộp bông cotton	Cái	03	
20	Máy đo huyết áp	Cái	03	
21	ống nghe	Cái	03	
22	Bộ máy tính	Cái	02	
23	Máy hiệu ứng nhiệt	Cái	01	
24	ống nhiệt kế	Cái	05	
25	Băng ghế nhựa	Cái	05	
26	ống nghiệm thủy tinh	Cái	15	
27	Bình phong	Cái	03	

28	Máy gây mê	Cái	01	
29	Máy Monitor	Cái	01	
30	Bàn mổ	Cái	02	
31	Bộ đèn đặt NKQ có bóng đèn LED gắn ngay trên đầu tay cầm (gồm 5 lưới đèn)	Bộ	01	
32	Máy hút nhót	Cái	01	
33	Nguồn Oxy	Bộ	01	
34	Máy đốt điện	Cái	01	
35	Đèn mổ	Cái	04	
36	Bàn Mayo	Cái	02	
37	Thùng rác (4 màu: xanh - vàng - trắng;- đen)	Cái/loại	02	
38	Cây gác lau	Cây	02	
39	Tủ đựng dụng cụ	Cái	01	
40	Bộ dụng cụ: - Dụng cụ cắt - Dụng cụ dùng bóc tách - Dụng cụ cầm máu - Dụng cụ dùng kẹp mô - Dụng cụ dùng kẹp kim - Dụng cụ dùng để thăm dò - Dụng cụ nong - Dụng cụ vén - Dụng cụ dùng đỡ hút	Bộ	02	
41	Dao mổ siêu âm	Cái	01	
42	Bơm tiêm điện	Cái	02	
43	Máy phun khử trùng không khí	Cái	01	
44	Máy truyền dịch tự động	Cái	02	
45	Xe đẩy ngôi	Cái	02	
46	Băng ca cấp cứu đa năng	Cái	02	
47	Xe đựng dụng cụ cấp cứu	Cái	01	

IV. CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG

1. Cơ sở hạ tầng:

- Diện tích mặt bằng đơn vị: 30.988 m², diện tích xây dựng sử dụng: 2778,5m², bình quân diện tích 55,57m²/ giường bệnh.

- Đơn vị Bệnh viện đa khoa Phú Thiện bao gồm 03 tòa nhà 02 tầng và 06 tòa nhà 01 tầng và một số hạng mục phụ trợ được bố trí như sau:

- Gồm 01 tòa nhà tầng 2 được bố trí dành riêng cho 02 Phòng mổ; 01 phòng Hành chính khoa, 01 phòng chuẩn bị trước khi mổ, 01 phòng gây mê; 02 phòng dành cho công tác điều trị, 01 phòng trang thiết bị y tế; 01 phòng kho, 02 buồng vệ sinh, 01 buồng vệ sinh trước phẫu thuật; 01 phòng Y, Bác sỹ trực; 01 phòng Điều dưỡng trực.

- Bố trí 02 bàn mổ và 06 giường bệnh để triển khai hoạt động phẫu thuật ngoại khoa, sản khoa.

1.1. Tòa nhà 02 tầng: (gồm Khu hành chính; Khoa Khám - HSCC, Khoa Nội nhi; Ngoại sản, Cận lâm sàng và khu phòng mổ).

*** Tòa nhà thứ nhất (gồm Khối hành chính và khoa Khám - HSCC):** Diện tích xây dựng: 600 m², Diện tích sàn: 1.168 m²

Tầng 01 gồm: Khoa Khám - HSCC và phòng thu Viện phí, phòng cấp Phát thuốc.

Tầng 02 gồm: Phòng Giám đốc, Phòng Phó Giám đốc, Phòng Giao ban Khoa Khám - HSCC, Phòng Tổ chức hành chính gồm 04 phòng, Phòng Tài vụ: gồm 02 phòng, Phòng Kế hoạch tổng hợp: gồm 02 phòng, Phòng Điều dưỡng, Phòng Hội trường chung, Phòng trực bác sỹ nam, Phòng trực bác sỹ nữ, Khu nhà vệ sinh gồm 02 khu nhà vệ sinh và phòng trực hộ lý khối hành chính.

*** Tòa nhà thứ hai (gồm Khoa Ngoại sản và khoa Nội nhi):** Diện tích xây dựng: 546 m², Diện tích sàn: 1.063 m²

Tầng 01: Khoa Ngoại sản: diện tích xây dựng: 273 m².

Tầng 02:

Khoa Nội Nhi Nhiễm: diện tích xây dựng: 273 m².

*** Tòa nhà thứ ba (gồm Khoa CLS và khu mổ):** Diện tích xây dựng: 400 m², Diện tích sàn: 790 m²

1.2. Tòa nhà 01 tầng gồm: (Khoa Dược, Nhà ở đồng bào, nhà xác, phòng Bảo vệ, Can tin nhà giặt, nhà kho và để xe cứu thương, Nhà điều trị lây, nhiễm).

- Khoa Dược: diện tích xây dựng: 124,7 m².

- Căn tin và nhà giặt: diện tích xây dựng: 364,3 m².

- Nhà ở đồng bào: diện tích xây dựng: 124,7 m².

- Nhà điều trị lây, nhiễm: diện tích xây dựng: 124,7 m².

- Nhà xác: diện tích xây dựng: 54,5 m².

Các công trình phụ trợ:

- Nhà để xe cứu thương: diện tích xây dựng: 48 m².
- Nhà bảo vệ: diện tích xây dựng: 10 m².
- Nhà để xe gắn máy: diện tích xây dựng 90 m².
- Cầu nổi: diện tích xây dựng: 291,6 m²

2. Các điều kiện vệ sinh môi trường:

2.1. Xử lý nước thải:

- Đối với nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt được đưa về bể tự hoại 03 ngăn rồi được đưa về giếng thăm có đường kính 1m.
- Đối với nước thải y tế: hệ thống xử lý nước thải bằng công nghệ AAO – đệm vi sinh lưu động, công suất xử lý 50m³/ngàyđêm.
- Đối với nước mưa: có hệ thống mương thoát nước mưa đổ ra các cống rãnh của huyện nhằm tránh ảnh hưởng đến nguồn nước giếng sinh hoạt, ăn uống của nhân dân trong vùng.
- Kết quả vận hành hệ thống xử lý nước thải: Chất lượng nước thải đạt các thông số, nồng độ chất ô nhiễm được phép xả thải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế QCVN 28:2010/BTNMT.

2.2. Xử lý rác Y tế, rác sinh hoạt.

- Chất thải sinh hoạt: Hợp đồng với đội công trình đô thị huyện Phú Thiện thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định (thu gom 2 lần/tuần).
- Chất thải y tế:
 - + Chất thải y tế nguy hại lây nhiễm được thu gom và xử lý hàng ngày tại khu vực lò đốt (F1-K gồm 2 buồng đốt sơ cấp và thứ cấp, công suất 20-25kg/giờ).
 - + Chất thải nguy hại không lây nhiễm (kính vỡ, bóng đèn huỳnh quang, pin ắc quy thải bỏ, giẻ lau dính thành phần nguy hại, vỏ chai thuốc, lọ thuốc...): thuê công ty TNHH TM&MT Hậu Sanh thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.3. An toàn bức xạ: đã được kiểm định.

3. Hệ thống phụ trợ:

3.1. Phòng cháy, chữa cháy:

- Bệnh viện đa khoa huyện Phú Thiện đã được thẩm duyệt phương án Phòng cháy, chữa cháy tại chỗ của phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy công an tỉnh Gia Lai đối với Bệnh viện đa khoa huyện ngày 28/02/2014.

3.2. Thông tin liên lạc:

- Bệnh viện có hệ thống điện thoại liên lạc nội bộ;

- Bệnh viện có hệ thống vi tính nối mạng toàn viện và kết nối Internet;
- Bệnh viện có phần mềm quản lý bệnh viện.
- Bệnh viện có hệ thống biển báo.

Trên đây là bản kê cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, tổ chức và nhân sự của Trung tâm Y tế Phú Thiện.



GIÁM ĐỐC

Phạm Chí Quang

I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC						
STT	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4			
			A	B	C	D
		A. TUẦN HOÀN				
1	6	Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên			x	
2	16	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm liên tục ≤ 8 giờ		@		
3	17	Đo áp lực động mạch xâm nhập liên tục ≤ 8 giờ		@		
4	18	Siêu âm tim cấp cứu tại giu-ờng			x	
5	19	Siêu âm Doppler mạch cấp cứu tại giường			x	
6	20	Siêu âm dẫn đường đặt catheter tĩnh mạch cấp cứu			x	
7	21	Siêu âm dẫn đường đặt catheter động mạch cấp			x	
		B. HỒ HẤP				
8	82	Đánh giá mức độ nặng của COPD bằng FEV1 (một lần)			x	
9	84	Thăm dò CO2 trong khí thở ra			x	
10	85	Vận động trị liệu hô hấp			x	
11	129	Thông khí nhân tạo CPAP qua van Boussignac ≤ 8 giờ			x	
12	130	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức CPAP ≤ 8 giờ			x	
13	131	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức BiPAP ≤ 8 giờ			x	
14	133	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức VCV ≤ 8 giờ			x	
15	134	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức PCV ≤ 8 giờ			x	
16	135	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức A/C (VCV) ≤ 8 giờ			x	
17	136	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức SIMV ≤ 8 giờ			x	
18	137	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức PSV ≤ 8 giờ			x	
19	138	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức CPAP ≤ 8 giờ			x	
		H. THĂM DÒ KHÁC				
20	304	Chụp X quang cấp cứu tại giường			x	

Chuyên Khoa HSCC đăng ký bổ sung 20 danh mục kỹ thuật;

Trong đó: 18 kỹ thuật đúng tuyển, 02 kỹ thuật vượt tuyển.

V. DA LIỄU						
STT	TT/43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4			
			A	B	C	D
		B. NGOẠI KHOA				
		1. Thủ thuật				
1	44	Điều trị sùi mào gà bằng đốt điện			x	
2	45	Điều trị hạt cơm bằng đốt điện			x	
3	46	Điều trị u mềm treo bằng đốt điện			x	
4	47	Điều trị dày sừng da đầu bằng đốt điện			x	
5	49	Điều trị sần cục bằng đốt điện			x	
6	50	Điều trị bớt sùi bằng đốt điện			x	
7	51	Điều trị u mềm lây bằng nạo thương tổn			x	

Chuyên khoa Da liễu đề nghị phê duyệt bổ sung 07 kỹ thuật đúng tuyển.

IX. GÂY MÊ HỒI SỨC						
STT	TT/43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4			
			A	B	C	D
		A. CÁC KỸ THUẬT				
1	13	Chăm sóc catheter tĩnh mạch			X	
2	15	Chọc tĩnh mạch cảnh ngoài			X	
3	16	Chọc tĩnh mạch cảnh trong			X	
4	17	Chọc tĩnh mạch đùi			X	
5	18	Chọc tĩnh mạch dưới đòn			X	
6	19	Chọc tuỷ sống đường bên			X	
7	20	Chọc tuỷ sống đường giữa			X	
8	21	Chống hạ thân nhiệt trong hoặc sau phẫu thuật			X	
9	28	Đặt catheter tĩnh mạch cảnh ngoài			X	
10	46	Đặt nội khí quản với thuốc mê tĩnh mạch, thuốc mê hô hấp			X	
11	74	Kỹ thuật gây tê đám rối cánh tay đường trên xương đòn			X	
12	86	Kỹ thuật gây tê ở cổ tay			X	
13	87	Kỹ thuật gây tê ở khuỷu tay			X	
14	89	Kỹ thuật gây tê thần kinh			X	
15	94	Kỹ thuật gây tê tuỷ sống phẫu thuật lấy thai			X	
16	95	Kỹ thuật gây tê vùng bàn chân			X	
17	182	Thở máy xâm nhập với các phương thức khác nhau			X	
18	188	Thông khí không xâm nhập bằng máy thở			X	
19	192	Thường qui đặt nội khí quản khó			X	
20	194	Tiệt trùng dụng cụ phục vụ phẫu thuật, GMHS			X	
21	204	Vô trùng phòng phẫu thuật, phòng tiểu phẫu hoặc buồng bệnh			X	
22	205	Xác định nhóm máu trước truyền máu tại giường			X	
		B. GÂY MÊ				
23	209	Gây mê các phẫu thuật áp xe vùng đầu mặt cổ			X	

24	269	Gây mê phẫu thuật bệnh nhân chữa ngoài dạ con vỡ			x	
25	271	Gây mê phẫu thuật bệnh nhân viêm phúc mạc ruột thừa			x	
26	277	Gây mê phẫu thuật bóc nhân xơ tử cung		@		
27	330	Gây mê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm			x	
28	369	Gây mê phẫu thuật cắt khối u da lành tính dưới 5cm			x	
29	371	Gây mê phẫu thuật cắt khối u da lành tính trên 5cm			x	
30	378	Gây mê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân từ 1 - 3% diện tích cơ thể			x	
31	381	Gây mê phẫu thuật cắt lọc đơn thuần vết thương bàn tay			x	
32	383	Gây mê phẫu thuật cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắn chỉnh và cố định tạm thời			x	
33	427	Gây mê phẫu thuật cắt rộng tổ chức áp xe vú			x	
34	430	Gây mê phẫu thuật cắt ruột thừa đơn thuần			x	
35	431	Gây mê phẫu thuật cắt ruột thừa viêm cấp ở trẻ dưới 6 tuổi		@		
36	432	Gây mê phẫu thuật cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ áp xe			x	
37	433	Gây mê phẫu thuật cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng			x	
38	450	Gây mê phẫu thuật cắt thừa ngón đơn thuần			x	
39	503	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung			x	
40	508	Gây mê phẫu thuật cắt túi thừa Meckel			x	
41	527	Gây mê phẫu thuật cắt u da lành tính vành tai		@		
42	528	Gây mê phẫu thuật cắt u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm			x	
		C. HỒI SỨC				
43	1689	Hồi sức phẫu thuật bệnh nhân viêm phúc mạc ruột thừa			x	
44	1740	Hồi sức phẫu thuật cắt bao da qui đầu do dính hoặc dài			x	

45	1748	Hồi sức phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm			x	
46	1798	Hồi sức phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân trên 3% diện tích cơ thể			x	
47	1799	Hồi sức phẫu thuật cắt lọc đơn thuần vết thương bàn tay			x	
48	1848	Hồi sức phẫu thuật cắt ruột thừa đơn thuần			x	
49	1849	Hồi sức phẫu thuật cắt ruột thừa viêm cấp ở trẻ dưới 6 tuổi		@		
50	1850	Hồi sức phẫu thuật cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ áp xe			x	
51	1851	Hồi sức phẫu thuật cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng			x	
52	1868	Hồi sức phẫu thuật cắt thừa ngón đơn thuần			x	
53	1926	Hồi sức phẫu thuật cắt túi thừa Meckel			x	
54	1945	Hồi sức phẫu thuật cắt u da lành tính vành tai				
55	1978	Hồi sức phẫu thuật cắt u mỡ phần mềm			x	
56	1979	Hồi sức phẫu thuật cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm			x	
57	2265	Hồi sức phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay			x	
		D. GÂY TÊ				
58	3045	Gây tê các phẫu thuật áp xe vùng đầu mặt cổ			x	
59	3089	Gây tê phẫu thuật bệnh nhân chữa ngoài dạ con vỡ			x	
60	3091	Gây tê phẫu thuật bệnh nhân viêm phúc mạc ruột thừa			x	
61	3142	Gây tê phẫu thuật cắt bao da qui đầu do dính hoặc dài			x	
62	3150	Gây tê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm			x	
63	3198	Gây tê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân từ 1 - 3% diện tích cơ thể			x	
64	3199	Gây tê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân dưới 1% diện tích cơ thể			x	

65	3201	Gây tê phẫu thuật cắt lọc đơn thuần vết thương bàn tay			x	
66	3203	Gây tê phẫu thuật cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắm chỉnh và cố định tạm thời			x	
67	3250	Gây tê phẫu thuật cắt ruột thừa đơn thuần			x	
68	3270	Gây tê phẫu thuật cắt thừa ngón đơn thuần			x	
69	3380	Gây tê phẫu thuật cắt u mỡ phần mềm			x	
70	3582	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát			x	
71	3584	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị đùi			x	
72	3598	Gây tê phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu			x	
73	3605	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vật da lân cận			x	
74	3606	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vật da tại chỗ			x	
75	3667	Gây tê phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay			x	
76	3748	Gây tê phẫu thuật KHX gãy chỏm đốt bàn và ngón tay			x	
77	3749	Gây tê phẫu thuật KHX gãy cổ chân				
78	3795	Gây tê phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng chân			x	
79	3796	Gây tê phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng tay			x	
80	3797	Gây tê phẫu thuật KHX gãy thân đốt bàn và ngón tay			x	
81	3798	Gây tê phẫu thuật KHX gãy thân xương cẳng chân			x	
82	3799	Gây tê phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay			x	
83	3801	Gây tê phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay phức tạp			x	
84	3805	Gây tê phẫu thuật KHX gãy trật cổ xương cánh tay			x	
85	3806	Gây tê phẫu thuật KHX gãy trật cổ xương đùi			x	
86	3807	Gây tê phẫu thuật KHX gãy trật đốt bàn ngón chân			x	

87	3808	Gây tê phẫu thuật KHX gây trật khớp cổ chân ở trẻ em			x	
88	3809	Gây tê phẫu thuật KHX gây trật khớp cổ tay			x	
89	3810	Gây tê phẫu thuật KHX gây trật xương gót			x	
		Đ. AN THẦN				
90	4465	An thần bệnh nhân phải nắn xương			x	
91	4466	An thần cho bệnh nhân nằm ở hồi sức			x	

Chuyên khoa Gây mê hồi sức đề nghị phê duyệt bổ sung danh mục 91 kỹ thuật. Trong đó 87 kỹ thuật đúng tuyến, 04 kỹ thuật vượt tuyến.

X. NGOẠI KHOA						
STT	TT/43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4			
			A	B	C	D
		B. TIM MẠCH - LÒNG NGỰC				
		1. Cấp cứu chấn thương - vết thương ngực				
1	152.	Phẫu thuật dẫn lưu tối thiểu khoang màng phổi			x	
2	164.	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản			x	
		2. Cấp cứu chấn thương - vết thương mạch máu				
3	172.	Phẫu thuật thắt các mạch máu lớn ngoại vi			x	
		6. Lòng ngực				
4	278.	Phẫu thuật cắt u thành ngực		@		
		C. TIẾT NIỆU - SINH DỤC				
		3. Bàng quang				
5	355.	Lấy sỏi bàng quang			x	
6	356	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang			x	
7	359	Dẫn lưu bàng quang đơn thuần			x	
		4. Niệu đạo				
8	405.	Nong niệu đạo			x	
9	411.	Cắt hẹp bao quy đầu			x	
10	412.	Mở rộng lỗ sáo			x	
		D. TIÊU HÓA				
		1. Ruột non - Mạc treo				
11	483	Tháo lồng ruột			x	
12	484.	Đẩy bã thức ăn xuống đại tràng			x	
		2. Ruột thừa - Đại tràng				
13	506	Cắt ruột thừa đơn thuần			x	
14	508	Cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ áp xe			x	
		3. Trục tràng				
15	526	Lấy dị vật trục tràng			x	
		4. Tầng sinh môn				
16	555	Phẫu thuật chích, dẫn lưu áp xe cạnh hậu môn đơn giản			x	
17	565	Phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn			x	
		D. GAN - MẬT - TỤY				
18	673	Cắt lách do chấn thương			x	
		E. THÀNH BỤNG - CƠ HOÀNH - PHỨC MẠC				
19	679	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini			x	

20	685	Phẫu thuật điều trị thoát vị đùi			x	
21	687	Phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác			x	
22	697	Phẫu thuật cắt u thành bụng			x	
23	699	Khâu vết thương thành bụng			x	
		F. CHẤN THƯƠNG - CHỈNH HÌNH				
		1. Vùng bàn tay				
24	749	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi cẳng và bàn ngón tay	@			
25	751	Phẫu thuật tổn thương gân gấp bàn - cổ tay	@			
		2. Vùng cánh tay				
		3. Vùng gót chân - bàn chân				
26	791	Phẫu thuật KHX gãy trật đốt bàn ngón chân	@			
		4. Tổn thương phần mềm				
27	809	Phẫu thuật vết thương bàn tay	@			
28	810	Phẫu thuật vết thương bàn tay tổn thương gân duỗi	@			
29	811	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương gân gấp	@			
		5. Vùng cổ tay - bàn tay				
30	862	Phẫu thuật làm móm cụt ngón và đốt bàn ngón			x	
		6. Vùng cổ chân - bàn chân				
31	870	Phẫu thuật kết hợp xương đốt bàn và đốt ngón chân	@			
32	877	Phẫu thuật tổn thương gân Achilles	@			
		7. Chấn thương thể thao và chỉnh hình				
33	885	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achilles	@			
		8. Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình khác				
34	934	Rút đinh/ tháo phương tiện kết hợp xương			x	
35	954	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/ rách da đầu			x	
36	983	Phẫu thuật vết thương khớp	@			
37	984	Phẫu thuật rút nẹp, dụng cụ kết hợp xương			x	
		9. Nắn - Bó Bột				
38	990	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi	@			
39	998	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay	@			
40	999	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay	@			
41	1000	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu	@			
42	1005	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cánh tay	@			
43	1006	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cánh tay	@			
44	1007	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay	@			
45	1019	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	@			
46	1020	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	@			
47	1021	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân	@			

48	1022	Nắn, bó bột gãy xương chày		@		
49	1024	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân		@		
50	1028	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân		@		
51	1032	Nẹp bột các loại, không nắn		@		
		TẠO HÌNH ĐẦU- MẶT -CỔ				
		1. Vùng xương sọ- da đầu.				
52	1	Cắt lọc - khâu vết thương da đầu mang tóc			x	
53	2	Cắt lọc - khâu vết thương vùng trán			x	
54	9	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm			x	
55	10	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vùng da đầu từ 2cm trở lên			x	
		2. Vùng mi mắt				
56	33	Xử lý vết thương phần mềm nông vùng mi mắt			x	
57	34	Khâu da mi			x	
		3. Vùng mũi				
58	83	Khâu và cắt lọc vết thương vùng mũi			x	
		4. Vùng môi				
59	110	Khâu vết thương vùng môi			x	
		5. Vùng tai				
60	136	Phẫu thuật khâu vết rách đơn giản vành tai			x	
61	137	Khâu cắt lọc vết thương vành tai			x	
		6. Vùng hàm mặt cổ				
62	161	Phẫu thuật khâu đơn giản vết thương vùng mặt cổ			x	
63	162	Phẫu thuật vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức			x	
64	167	Phẫu thuật khâu vết thương thẩu má			x	
65	197	Phẫu thuật cắt u da mặt lành tính			x	
66	225	Cắt u phần mềm vùng cổ			x	
		B. TẠO HÌNH VÙNG THÂN MÌNH				
67	264	Phẫu thuật cắt bỏ u xơ vú			x	
		D. TẠO HÌNH VÙNG CHI TRÊN VÀ BÀN TAY				
68	334	Phẫu thuật vết thương khớp bàn ngón			x	
69	337	Nối gân gấp			x	
70	340	Nối gân duỗi			x	
71	352	Rút nếp vít và các dụng cụ khác sau phẫu thuật			x	
72	358	Phẫu thuật cắt ngón tay thừa			x	
		Đ. TẠO HÌNH CHO VÙNG CHI DƯỚI				
73	407	Phẫu thuật cắt ngón chân thừa		@		
		NGOẠI NHI				

74	2070	Phẫu thuật rạch dẫn lưu áp xe nông vùng hàm mặt			x	
75	2071	Chọc thăm dò u, nang vùng hàm mặt			x	
76	2074	Dẫn lưu máu tụ vùng miệng - hàm mặt			x	
77	2077	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt			x	
		NGOẠI KHOA				
		A. ĐẦU, THẦN KINH SỌ NÃO				
78	3082	Rạch da đầu rộng trong máu tụ dưới da đầu			x	
79	3083	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu			x	
		B. TIM MẠCH - LÒNG NGỰC				
		4. Ngực - phổi				
80	3265	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản			x	
		3. Ruột non - ruột già				
81	3327	Phẫu thuật viêm ruột thừa			x	
82	3332	Dẫn lưu áp xe ruột thừa			x	
		4. Hậu môn - trực tràng				
83	3378	Thắt trĩ có kèm bóc tách, cắt một bó trĩ			x	
		5. Bẹn - Bụng				
84	3399	Dẫn lưu áp xe hậu môn đơn giản			x	
85	3400	Lấy máu tụ tầng sinh môn			x	
86	3404	Khâu lại da thì 2, sau nhiễm khuẩn			x	
87	3406	Chích áp xe tầng sinh môn			x	
		D. TIẾT NIỆU - SINH DỤC				
		3. Bàng quang				
88	3531	Mổ lấy sỏi bàng quang			x	
89	3533	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang			x	
90	3535	Đặt ống thông bàng quang			x	
		5. Sinh dục				
91	3600	Rạch rộng vòng thắt nghẹt bao quy đầu			x	
92	3603	Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài			x	
93	3604	Cắt hẹp bao quy đầu (Phimosis)			x	
94	3608	Dẫn lưu áp xe bìu/ tinh hoàn			x	
		E. CHÂN THƯƠNG - CHỈNH HÌNH				
		4. Bàn, ngón tay				
95	3710	Phẫu thuật cắt bỏ ngón tay thừa			x	
96	3711	Tháo bỏ các ngón tay, đốt ngón tay			x	
		6. Khớp gối				
97	3756	Chọc hút máu tụ khớp gối, bó bột ống			x	
		8. Cổ chân, bàn chân, ngón chân				

98	3797	Tháo bỏ các ngón chân		@		
99	3798	Tháo đốt bàn		@		
		9. Phần mềm (da, cơ, gân, thần kinh)				
100	3815	Dẫn lưu áp xe cơ đáy chậu		@		
101	3817	Chích áp xe phần mềm lớn			x	
102	3819	Nối gân duỗi			x	
103	3825	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm			x	
104	3826	Thay băng, cắt chỉ vết mổ			x	
105	3827	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm			x	
		10. Nắn - Bó bột				
106	3834	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa xương đùi		@		
107	3835	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi		@		
108	3839	Nắn, bó bột trật khớp vai			x	
109	3844	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu			x	
110	3845	Nắn, bó bột gãy và trật khớp khuỷu			x	
111	3847	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay			x	
112	3849	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay			x	
113	3850	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay			x	
114	3851	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay			x	
115	3852	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay			x	
116	3853	Nắn, bó bột gãy Pouteau- Colles			x	
117	3854	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay			x	
118	3865	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân			x	
119	3866	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân			x	
120	3870	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân			x	
121	3872	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân			x	
122	3877	Nẹp bột các loại, không nắn			x	
		11. Các kỹ thuật khác				
123	3889	Chích rạch áp xe lớn, dẫn lưu			x	
124	3900	Rút nẹp vít và các dụng cụ khác sau phẫu thuật			x	
125	3901	Rút đinh các loại			x	
126	3902	Phẫu thuật vết thương khớp			x	
127	3909	Chích rạch áp xe nhỏ			x	
128	3910	Chích hạch viêm mù			x	
129	3911	Thay băng, cắt chỉ			x	
		G. CÁC PHẪU THUẬT KHÁC				
130	3916	Cắt u nang bao hoạt dịch		@		
131	3924	Cắt lọc tổ chức hoại tử			x	

132	3925	Dẫn lưu áp xe cổ/ áp xe tuyến giáp			x	
		TAI -MŨI- HỌNG				
		B. MŨI - HỌNG				
133	141	Nhét bắc mũi trước			x	
134	143	Lấy dị vật mũi (gây tê/ gây mê)			x	
		NHI KHOA				
		XIII. NỘI KHOA				
		C. TIÊU HÓA				
135	2356	Chọc hút áp xe thành bụng			x	
136	2357	Thụt tháo phân			x	
137	2358	Đặt sonde hậu môn			x	
		XV. UNG BƯỚU- NHI				
		A. ĐẦU CỔ				
138	2456	Cắt u da đầu lạnh, đường kính dưới 5 cm			x	
139	2457	Bóc, cắt u bã đậu, u mỡ dưới da đầu đường kính dưới 10 cm			x	
		C. HÀM MẶT				
140	2535	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm			x	
141	2766	Cắt u lạnh phần mềm đường kính dưới 10 cm			x	
142	2767	Cắt u máu khu trú, đường kính dưới 5 cm			x	
143	2768	Cắt u nang bao hoạt dịch (Cổ tay, khoeo chân, cổ chân)			x	
		XIX. NGOẠI KHOA				
		4. Hậu môn - trực tràng				
144	3379	Phẫu thuật trĩ nội máu nhỏ			x	
		E. CHẤN THƯƠNG - CHỈNH HÌNH				
		2.Vai				
145	3649	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương đòn			x	
		A. THẦN KINH - SỌ NÃO				
		16. Thần kinh ngoại biên				
146	151	Phẫu thuật u thần kinh trên da			x	
		XII. UNG BƯỚU				
147	10	Cắt các u lạnh vùng cổ			x	

Chuyên Khoa Ngoại đề nghị phê duyệt bổ sung 147 danh mục kỹ thuật.
Trong đó: 115 kỹ thuật đúng tuyến, 32 kỹ thuật vượt tuyến.

XI. BỔNG						
STT	TT/43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4			
			A	B	C	D
		A. ĐIỀU TRỊ BÔNG				
		1. Thay băng bông				
1	4.	Thay băng điều trị vết bông từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở người lớn			x	
2	5.	Thay băng điều trị vết bông dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn			x	
3	10.	Thay băng điều trị vết bông dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em			X	
		2. Phẫu thuật, thủ thuật điều trị bông				
4	19.	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bông sâu dưới 5% diện tích cơ thể ở người lớn		@		
5	28.	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bông sâu dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em.			x	
		3. Các kỹ thuật khác				
6	77.	Khám bệnh nhân bông, chẩn đoán diện tích và độ sâu bông bằng lâm sàng.			x	
7	79.	Sơ cứu, cấp cứu tổn thương bông nhiệt			x	
8	80.	Xử trí tại chỗ kỹ đầu tổn thương bông			x	
9	81.	Sơ cấp cứu bông do vôi tôi nóng			x	
10	82.	Sơ cấp cứu bông Acid			x	
11	83.	Sơ cấp cứu bông do dòng điện			x	
12	84.	Chẩn đoán và điều trị sốc bông			x	
13	85.	Chẩn đoán và cấp cứu bông đường hô hấp			x	
14	86.	Chẩn đoán và cấp cứu bông đường tiêu hóa			x	
15	87.	Mở khí quản cấp cứu qua tổn thương bông			x	
		B. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH, THẨM MỸ TRONG BÔNG VÀ SAU BÔNG				
16	102.	Khám di chứng bông			x	

Chuyên Khoa Bông đề nghị phê duyệt bổ sung 16 danh mục kỹ thuật.

Trong đó: 15 kỹ thuật đúng tuyển, 01 kỹ thuật vượt tuyển.

XII. UNG BƯỚU						
STT	TT/43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4			
			A	B	C	D
		B. NGOẠI KHOA				
		A. ĐẦU - CỔ				
1	2.	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm			x	
2	12.	Cắt các u nang giáp móng			x	
		B. THẦN KINH SỌ NÃO, CỘT SỐNG				
3	68.	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm			x	
4	92.	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5cm			x	
		I.TIẾT NIỆU - SINH DỤC				
5	265.	Cắt u lành dương vật			x	
		K. VÚ - PHỤ KHOA				
6	267.	Cắt u vú lành tính			x	
7	268.	Xử trí tại chỗ kỳ đầu tổn thương bỏng			x	

Chuyên Khoa Ung bướu đề nghị phê duyệt bổ sung 07 danh mục kỹ thuật đúng tuyến.

XIII: PHỤ SẢN

STT	TT/43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4			
			A	B	C	D
		A. SẢN KHOA				
1	2	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên		@		
2	7	Phẫu thuật lấy thai lần đầu			x	
3	8	Phẫu thuật lấy thai có kèm các kỹ thuật cầm máu (thắt động mạch tử cung, mũi khâu B- lynch...)			x	
4	12	Phẫu thuật thắt động mạch tử cung trong cấp cứu sản phụ khoa			x	
5	13	Phẫu thuật bảo tồn tử cung do vỡ tử cung			x	
6	18	Khâu tử cung do nạo thủng			x	
7	19	Giảm đau trong đẻ bằng phương pháp gây tê ngoài màng cứng		@		
8	20	Gây chuyển dạ bằng thuốc		@		
9	29	Soi ối			x	
10	52	Khâu vòng cổ tử cung			x	
11	53	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung			x	
12	54	Chích áp xe tầng sinh môn			x	
		B. PHỤ KHOA				
13	70	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần			x	
14	71	Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung			x	
15	91	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung vỡ có choáng			x	
16	92	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung không có choáng			x	
17	136	Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa			x	
18	143	Phẫu thuật cắt polip cổ tử cung			x	
19	157	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết			x	
20	159	Dẫn lưu cùng đồ Douglas			x	
21	161	Chọc hút dịch do máu tụ sau mổ			x	
22	166	Soi cổ tử cung			x	

		C. SƠ SINH				
23	189	Điều trị vàng da ở trẻ sơ sinh bằng phương pháp chiếu đèn			X	
24	190	Truyền máu sơ sinh			X	
25	191	Chọc hút dịch, khí màng phổi sơ sinh			X	
26	192	Đặt ống thông dạ dày (hút dịch hoặc nuôi dưỡng) sơ sinh			X	
27	194	Ép tim ngoài lồng ngực			X	
28	195	Dẫn lưu màng phổi sơ sinh			X	
29	201	Hồi sức sơ sinh ngạt sau sinh			X	
30	202	Cố định tạm thời gãy xương sơ sinh			X	
		D. HỖ TRỢ SINH SẢN				
		Đ. KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH				
31	224	Triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ			X	
		E. PHÁ THAI				
32	240	Hút thai + Triệt sản qua đường rạch nhỏ			X	
33	239	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần			X	

Chuyên Khoa Sản đề nghị phê duyệt bổ sung 33 danh mục kỹ thuật.

Trong đó: 30 kỹ thuật đúng tuyến, 03 kỹ thuật vượt tuyến.

Tổng số danh mục kỹ thuật đề nghị phê duyệt bổ sung 321 kỹ thuật;

Trong đó: 279 kỹ thuật đúng tuyến, 42 kỹ thuật vượt tuyến.

PHÊ DUYỆT SỞ Y TẾ GIA LAI

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lý Minh Thái

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ



Phạm Chí Quang